

Tự do kinh tế và quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

ThS. Trần Quang Tuyền *

*Khoa Kinh tế Chính trị, Trường Đại học Kinh tế,
Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 19 tháng 9 năm 2009

Tóm tắt. Sau hơn hai thập niên thực hiện mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam mà cốt lõi của nó là quá trình mở rộng sự tự do cho nền kinh tế, đã có những tác động mạnh mẽ tới hầu hết các lĩnh vực kinh tế và xã hội. Bài viết tập trung làm rõ những nội dung liên quan tới tự do kinh tế và quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Mặc dù cho tới nay, Ủy ban Châu Âu (EC) và Mỹ đã đưa ra một số tiêu chí để đánh giá nền kinh tế thị trường nhưng nhìn chung các tiêu chí này mang tính chất định tính và khó định lượng. Vì vậy, xuất phát từ cách đặt vấn đề bản chất của nền kinh tế thị trường là tự do kinh doanh, tự do trao đổi, tự do lao động, hay nói một cách ngắn gọn và đầy đủ nhất, đó là “*tự do kinh tế*”. Tác giả đã phân tích quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường ở Việt Nam, được nhìn nhận như là sự mở rộng của mức độ tự do kinh tế trong gần hai thập kỷ qua. Bài viết chỉ ra những ảnh hưởng tích cực của tự do hoá kinh tế tới sự thịnh vượng kinh tế, gia tăng việc làm, ổn định tiền tệ ở nhiều quốc gia trên thế giới và phân tích quá trình mở rộng tự do kinh tế trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam.

1. Tự do kinh tế và sự tiến triển của nền kinh tế thị trường ở Việt Nam

Chúng ta đã chứng kiến hai hệ thống kinh tế trong cuộc chiến tranh lạnh kéo dài nhiều thập kỷ. Hệ thống kinh tế kế hoạch hoá tập trung tồn tại ở các nước thuộc khối xã hội chủ nghĩa, được chỉ huy bởi chính quyền trung ương còn hệ thống kia là các nền kinh tế thị trường dựa trên nền tảng là các tổ chức kinh doanh của khu vực tư nhân. Cho tới nay, chúng ta đều hiểu rằng kinh tế thị trường là mô hình kinh tế mà hàng hóa và dịch vụ được sản xuất ra để trao đổi trên thị trường. Khi nói tới kinh tế thị

trường, chúng ta hiểu ngay đó là cơ chế kinh tế mà mọi giao dịch mua bán các yếu tố đầu vào cho sản xuất và

sản phẩm đầu ra đều được giao dịch mua bán trên thị trường. Cơ chế kinh tế của nền kinh tế thị trường được Adam Smith ví như “*bàn tay vô hình*” điều tiết nền kinh tế. Khi nói đến kinh tế thị trường là nói đến nguyên tắc “*tự do kinh tế*”, bao gồm các

“*Khi nói đến kinh tế thị trường là nói đến nguyên tắc “tự do kinh tế”, bao gồm các quyền tự do của người sản xuất kinh doanh, quyền lựa chọn của người tiêu dùng, tự do của người lao động trong lựa chọn công việc và người thuê cũng có quyền lựa chọn và tuyển dụng những người phù hợp*”.

* ĐT: 84-4-37850843

E-mail: qtt1@students.waikato.ac.nz



quyền tự do của người sản xuất kinh doanh, quyền lựa chọn của người tiêu dùng, tự do của người lao động trong lựa chọn công việc và người thuê cũng có quyền lựa chọn và tuyển dụng những người phù hợp. Như vậy, có thể hiểu rằng mức độ tự do sản xuất, kinh doanh và trao đổi hàng hóa là thước đo quan trọng để đánh giá mức độ tự do của thị trường trong một nền kinh tế. Một nền kinh tế thị trường đầy đủ có nghĩa sẽ đạt đến một trạng thái tự do kinh tế cao và do vậy, nó đòi hỏi mức độ can thiệp của Chính phủ vào nền kinh tế là tối thiểu trong các vấn đề phân bổ nguồn lực và sự can thiệp vào hoạt động kinh doanh của khu vực doanh nghiệp. Hơn nữa, nó cũng đòi hỏi Chính phủ phải có một hệ thống pháp lý và cơ quan thực thi hiệu quả các quyền về sở hữu và tạo hành lang pháp lý hiệu quả cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Ủy ban Châu Âu (EC) đã đưa ra 5 tiêu chí để đánh giá một nền kinh tế thị trường như sau:

Năm tiêu chí đánh giá nền kinh tế thị trường của EC

1. *Mức độ ảnh hưởng của Chính phủ đối với việc phân bổ các nguồn lực và các quyết định của doanh nghiệp, bất kể là trực tiếp hay gián tiếp, chẳng hạn như thông qua việc áp dụng giá cả do Nhà nước ấn định, hoặc phân biệt đối xử trong chế độ thuế, thương mại hoặc tiền tệ.*

2. *Không có hiện tượng Nhà nước can thiệp bóp méo hoạt động của các doanh nghiệp liên quan đến khu vực tư nhân hoá. Không sử dụng cơ chế thương mại phi thị trường hoặc các hệ thống đền bù (ví dụ như thương mại hàng đổi hàng).*

3. *Ban hành và thực thi luật doanh nghiệp minh bạch và không phân biệt đối xử, đảm bảo quản lý doanh nghiệp một cách thích hợp (áp dụng các tiêu chuẩn kế toán quốc tế, bảo vệ cổ đông, đầy đủ thông tin chính xác về doanh nghiệp).*

4. *Ban hành và áp dụng một hệ thống luật thống nhất, hiệu quả và minh bạch đảm bảo tôn trọng quyền sở hữu tài sản và đảm bảo sự vận hành của quy chế pháp sản doanh nghiệp.*

5. *Tồn tại một khu vực tài chính đích thực hoạt động độc lập với Nhà nước, với đầy đủ các quy định về các biện pháp đảm bảo tín dụng và giám sát điều chỉnh về mặt pháp luật cũng như trên thực tế.*

(Nguồn: Cục Quản lý cạnh tranh Bộ Thương mại)⁽¹⁾

Bộ Thương mại Hoa Kỳ đưa ra 6 tiêu chí dưới đây để xem xét một nền kinh tế có phải là kinh tế thị trường hay không.

Sáu tiêu chí đánh giá nền kinh tế thị trường của Bộ Thương mại Hoa Kỳ

1. *Khả năng chuyển đổi của đồng tiền*

2. *Tự do thoả thuận mức lương*

3. *Đầu tư nước ngoài*

4. *Sở hữu hoặc quản lý của Nhà nước đối với các ngành sản xuất*

5. *Quản lý của Nhà nước đối với sự phân bổ các nguồn lực*

6. *Các yếu tố thích hợp khác*

(Nguồn:

http://vietnamese.vietnam.usembassy.gov/bta_nmefa/ctsheets.html)

Đôi chiếu hai hệ thống tiêu chí trên ta thấy có một vài điểm tương đồng nhau. Cả hai đều đưa ra yêu cầu về một nền kinh tế thị trường phải đảm bảo sự can thiệp của Nhà nước dưới các hình thức khác nhau trong nền kinh tế là tối thiểu; trong đó, Hoa Kỳ nhấn mạnh tới quy mô sở hữu Nhà nước và sự quản lý của Nhà nước tới các ngành sản xuất và sự phân bổ nguồn lực, trong khi đó EC nhấn mạnh tới việc Nhà nước không được can thiệp và làm méo mó các hoạt động kinh doanh của khu vực tư nhân. Bên cạnh nhấn mạnh tới tự do tài chính và tự do tiền tệ, Bộ Thương mại Hoa Kỳ cho rằng: một nền kinh tế thị trường đầy đủ phải đảm bảo đồng tiền được tự do chuyển đổi trên thị trường vốn và không có bất cứ sự can thiệp nào của Nhà nước. Tương tự, EC cũng nhấn mạnh rằng: một nền kinh tế thị trường đầy đủ phải dựa trên một

⁽¹⁾ Trích từ: <http://vietnamnet.vn/kinhte/2005/0>



khu vực tài chính lành mạnh, hoạt động độc lập với Chính phủ và có tính minh bạch cao. Tuy nhiên, chúng ta có thể thấy giữa hai hệ thống đánh giá này đề cập tới một số tiêu chí liên quan tới những lĩnh vực không hoàn toàn giống nhau và thậm chí còn khác biệt. EC khẳng định, một nền kinh tế thị trường phải dựa trên một hệ thống pháp luật thống nhất, đồng bộ và hiệu quả, nhằm tạo hành lang pháp lý cho hoạt động của doanh nghiệp, đảm bảo quyền sở hữu tài sản cũng như quy chế hoạt động cho các doanh nghiệp phá sản. Hơn nữa, EC cho rằng việc quản lý doanh nghiệp phải dựa trên một hệ thống các tiêu chuẩn kế toán minh bạch, công khai và bình đẳng nhằm cung cấp thông tin một cách chính xác cũng như bảo vệ quyền lợi cho các cổ đông. Trong khi đó, các tiêu chí được Bộ Thương mại Hoa Kỳ lại nhấn mạnh tới quyền tự do lao động và tự do đầu tư cho các nhà đầu tư nước ngoài. Đáng chú ý là một tiêu chí được tổ chức này đưa ra rất đặc biệt, mang tính chủ quan và rất khó xác định, đó là tiêu chí “*Các yếu tố thích hợp khác*” - đây có thể xem như tiêu chí được Hoa Kỳ vận dụng trong từng trường hợp khác nhau đối với từng quốc gia cụ thể. Vì vậy, nó phụ thuộc rất nhiều vào các yếu tố chính trị, quan hệ ngoại giao và vị thế của từng quốc gia trên bàn đàm phán. Đối chiếu với các tiêu chí trên, trong những năm qua Việt Nam đã đạt được những tiến bộ đáng kể trong việc xây dựng một nền kinh tế thị trường theo nghĩa đầy đủ hơn. Theo đánh giá của Bộ Thương mại Hoa Kỳ thì Việt Nam đã thực hiện những cuộc cải cách thị trường đáng kể và thông qua các văn bản pháp lý để thúc đẩy sự phát triển kinh tế thị trường⁽²⁾. Sự chuyển đổi sang thể chế kinh tế thị trường được thể hiện trước tiên bằng việc thông qua các chính sách tôn trọng quy luật kinh tế thị trường, để cho giá cả tự điều tiết, tôn trọng quan hệ cung cầu, khuyến khích kinh tế tư nhân và hình thành hàng loạt các thị trường quan trọng như: thị trường sức lao động, thị trường vốn, thị trường đất đai,... Năm 1987, Việt Nam đã ban hành

⁽²⁾ Xem: <http://vietnamese.vietnamembassy.gov.vn/nmfactsheet.html>

Luật Đầu tư nước ngoài và tiếp đó là Luật Doanh nghiệp tư nhân và Luật Công ty (năm 1991). Năm 1992, Hiến pháp đã được sửa đổi và khẳng định rõ

sự tồn tại và phát triển của nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường và khu vực đầu tư nước ngoài. Tiếp đến là sự thể chế hoá các chủ trương trên bằng việc ra đời nhiều bộ luật quan trọng, tạo hành lang pháp lý cho sự vận hành nền kinh tế thị trường như: Luật Đất đai; Luật Thuế; Luật Phá sản; Luật Môi trường; Luật Lao động đi cùng với hàng trăm pháp lệnh, nghị định khác của Chính phủ giúp cho việc cụ thể hóa quá trình thực thi luật và thực hiện các chương trình phát triển kinh tế - xã hội. Kể từ 01/01/2004, Việt Nam cũng đã thực hiện chế độ thuế thu nhập như nhau đối với các loại hình doanh nghiệp, với mức thuế chung là 28%. Giá cả của hầu hết các mặt hàng đã được quyết định theo quy luật cung - cầu và thiết lập quyền tự do xuất nhập khẩu bình đẳng cho các doanh nghiệp. Luật đầu tư chung và luật doanh nghiệp thống nhất có hiệu lực từ 01/07/2006, đảm bảo sự bình đẳng cho các thành phần kinh tế.

Tuy nhiên, nền kinh tế thị trường của Việt Nam vẫn còn nhiều hạn chế. Hiện tại, các điều kiện thực tế chưa cho phép Việt Nam quản lý doanh nghiệp một cách hiệu quả, thông qua việc áp dụng rộng rãi các tiêu chuẩn kế toán quốc tế. Thông tin về doanh nghiệp còn thiếu minh bạch và cơ sở pháp lý để bảo vệ quyền lợi cho các cổ đông còn chưa đầy đủ⁽³⁾. Theo nghị định kiểm toán độc lập (năm 2003) thì kiểm toán bắt buộc đối với các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm và các doanh nghiệp Nhà nước, cũng như doanh nghiệp thuộc khối doanh nghiệp FDI. Với đa

⁽³⁾ Simeon Djankov and Caralee McLiesh (200) *Business Report 2006*, xem tại: <http://www.doingbusiness.org>



phần các doanh nghiệp tư nhân còn lại thì luật định chỉ khuyến khích các doanh nghiệp này kiểm toán các báo cáo tài chính. Khu vực tài chính của Việt Nam với sự tồn tại của các ngân hàng thương mại thuộc sở hữu Nhà nước tuy thị phần đã giảm đáng kể nhưng vẫn có ảnh hưởng rất lớn tới các hoạt động trên thị trường tín dụng ở Việt Nam. Cũng theo nhận xét của Bộ Thương mại Hoa Kỳ, nền kinh tế thị trường Việt Nam vẫn đang trong thời kỳ chuyển đổi, chưa thực sự là một nền kinh tế thị trường đầy đủ. Hiện tại, quyền sở hữu đất tư còn thiếu vắng và chưa được xác định một cách đầy đủ; quy mô của quá trình cải cách hệ thống ngân hàng còn hạn chế; tiến trình tư nhân hoá chậm chạp và họ cho rằng Nhà nước còn hiện diện và can thiệp vào nhiều hoạt động kinh tế⁽⁴⁾. Tuy nhiên, cần nhìn nhận một cách khách quan rằng việc đánh giá của Hoa Kỳ đối với Việt Nam, tuy còn mang tính chủ quan và chưa đầy đủ, nhưng nó cũng phản ánh được những hạn chế cơ bản của nền kinh tế thị trường của Việt Nam. Mặc dù vậy, cho tới nay rất nhiều các quốc gia và tổ chức trên thế giới đã công nhận Việt Nam là một nền kinh tế thị trường đầy đủ như Ucraina, Đức, Nam Phi,... Nhưng hiện hai đối tác quan trọng nhất là EC và Hoa Kỳ vẫn chưa công nhận Việt Nam có nền kinh tế thị trường đầy đủ. Điều đó cho thấy, Việt Nam cần nỗ lực hơn nữa trong việc tạo dựng các điều kiện cần thiết cho việc phát triển một nền kinh tế thị trường đầy đủ trong thời gian tới.

Các tiêu chí đánh giá của EC và Hoa Kỳ dường như được vận dụng nhiều hơn trong các trường hợp cụ thể liên quan tới tranh chấp thương mại. Trên thực tế, nếu theo các tiêu chí trên của EC và Hoa Kỳ thì sẽ rất khó khăn khi đánh giá trình độ phát triển của một nền kinh tế thị trường. Hơn nữa, sẽ là không đầy đủ khi chúng ta không đề cập tới các chỉ số tự do khác liên quan tới hệ thống tài khoá hay sự trong sạch của bộ máy Nhà nước, đây vốn là những nền tảng cần thiết của một nền kinh tế thị trường phát triển đầy đủ. Do vậy, để xem xét

đầy đủ hơn các khía cạnh khác nhau của một nền kinh tế thị trường, chúng ta cần xem xét mức độ tự do kinh tế thông qua chỉ số tự do kinh tế được công bố hàng năm do hai tổ chức quốc tế uy tín là *The Wall Street Journal* và *The Heritage Foundation* hợp tác nghiên cứu. Chỉ số này được tính bình quân từ 10 chỉ số, mỗi chỉ số được tính toán từ 0% cho tới 100% và phần trăm càng cao thì mức độ tự do kinh tế càng lớn⁽⁵⁾.

Bảng 1 cho thấy, chỉ số tự do kinh tế của Việt Nam ở mức 49.8%, xếp thứ 135 trên thế giới, thấp hơn thứ hạng của một số nước trong khu vực như: Trung Quốc (126), Philippines (92), thấp hơn nhiều so với Thái Lan (54) và Malaysia (51). Tuy nhiên, nếu nhìn vào các chỉ số liên quan tới quy mô chính phủ, tự do lao động và khác cho thấy Việt Nam khá tiến bộ ở một số lĩnh vực như quy mô chính phủ, tự do kinh doanh, tự do tài khoá và tự do lao động. Mặc dù vậy, khi xem xét các chỉ số liên quan đến tự do tiền tệ, đầu tư, quyền sở hữu, tự do lao động và tham nhũng thì kết quả cho thấy rằng các chỉ số của Việt Nam thấp hơn các nước trong khu vực và ở mức độ rất thấp so với mức trung bình của Thế giới. Năm 2008, chỉ số tự do tiền tệ của Việt Nam là 67.42%, tương đương với chỉ số của Thái Lan và Indonexia; thấp hơn mức bình quân của thế giới là 74.4%. Tiếp đến là chỉ số tự do đầu tư của Việt Nam là 30%, tương đương với Trung Quốc, Indonexia và Thái Lan, thấp hơn Malaysia và Ấn Độ (40%), và thấp hơn nhiều so với mức trung bình của Thế giới là 50.3%. Tương tự, chỉ số tự do tài chính của Việt Nam chỉ đạt 30%, ở mức độ thấp hơn nhiều so với Malaysia (40%), Thái Lan và Philippines (50%), và thấp hơn mức trung bình của Thế giới (51.7%). Chỉ số tự do đầu tư của Việt Nam là 30%, thấp hơn Malaysia và Ấn Độ (40%), và thấp hơn nhiều so với mức trung bình của Thế giới là 50.3%.

Bên cạnh đó, chỉ số Quyền sở hữu tài sản ở Việt Nam chỉ đạt 10%, thấp hơn mức 20% của

⁽⁴⁾ http://vietnamese.vietnamusembassy.gov/bta_nmcfactsheet.html

⁽⁵⁾ Xem thêm: the 2008 index of economic fr (www.heritage.org.index).



Trung Quốc và 30% của Indonexia và Philippines, đồng thời thấp xa so với mức 45.6% trên thế giới. Hơn nữa, chỉ số Không có tham nhũng⁽⁶⁾ của Việt Nam năm 2008 ở mức để có thể nảy sinh trong việc đo lường và đánh giá mức độ tự do kinh tế là độ tin cậy của thông tin được khảo sát để tính toán các chỉ số này. Đây là những vấn đề không thể tránh khỏi và chắc chắn chúng sẽ được tối thiểu hoá bởi các chỉ số này được các chuyên gia hàng đầu của hai tổ chức uy tín trên tính toán và phân tích kỹ lưỡng. Vì vậy, các thông tin có mức độ tin cậy cao và có thể được sử dụng để đánh giá sự mở rộng tự do kinh tế của các nước trên thế giới.

Biểu đồ 1 cho thấy sự tiến triển của nền kinh tế thị trường ở Việt Nam thông qua việc mở rộng mức độ tự do kinh tế trong giai đoạn từ 1995 - 2008. Năm 1995, mức độ tự do kinh tế của Việt Nam ở mức xấp xỉ 40%, so với mức bình quân là 60% trên thế giới và khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. Tuy nhiên, xu hướng cho thấy khoảng cách này đã dần bị thu hẹp đáng kể khi chỉ số tự do kinh tế của Việt Nam tăng đều trong hơn một thập kỷ qua. Tới năm 2008, chỉ số tự do kinh tế của Việt Nam đạt tới xấp xỉ 50%, nhưng vẫn thấp hơn mức bình quân của thế giới là 60.3% và khu vực Châu Á - Thái Bình Dương là 58.7%.

Trong giai đoạn từ 1995 - 2008, mức độ tự do kinh tế ở Hungary đã tăng rất mạnh, từ 50% lên gần 63%. Hungary tăng từ 55% lên 68%. Mặc dù chỉ số tự do kinh tế của Việt Nam đã tăng lên đáng kể (khoảng 10% trong thời gian này). Nhưng tới nay nền kinh tế thị trường của Việt Nam vẫn ở mức độ tự do thấp hơn hầu hết các nước có nền kinh tế chuyển đổi ở Đông Âu. Năm 2008, chỉ số tự do kinh tế của Việt là 50%, tương đương với mức độ tự do kinh tế của Ucraina, Nga và Trung Quốc.

⁽⁶⁾ Được tính toán dựa trên chỉ số nhận thức tham nhũng (CPI - Corruption Perceptions Index) của Tổ chức minh bạch Quốc tế. Chỉ số này càng cao thì mức độ tham nhũng càng thấp và ngược lại.

Xem thêm cách tính toán chỉ số ở

http://www.transparency.org/policy_research/surveys_indices/cpi/20

Qua việc phân tích sự tiến triển và các chỉ số cấu thành mức độ tự do kinh tế của Việt Nam, chúng ta có thể thấy rằng: mặc dù Việt Nam đã đạt được những tiến bộ đáng kể trong việc thúc đẩy sự phát triển nền kinh tế thị trường thông qua việc gia tăng mức độ tự do kinh tế, còn rất nhiều chỉ số khác Việt Nam cần phải cải thiện để phát triển nền kinh tế thị trường trong thời gian tới. Đó là các chỉ số liên quan tới tự do tài chính, tự do đầu tư, tự do lao động, quyền sở hữu và tham nhũng. Do vậy, công việc trong thời gian tới mà Việt Nam cần phải làm để hoàn thiện nền kinh tế thị trường là cải cách hệ thống tài chính và ngân hàng, cải thiện môi trường đầu tư, phát triển thị trường lao động, hoàn thiện bộ máy pháp luật thực thi quyền sở hữu và quyết tâm đẩy lùi vấn nạn tham nhũng.

2. Những tác động của tự do kinh tế trong quá trình chuyển đổi sang nền KTTT định hướng XHCN ở Việt Nam

Mặc dù kinh tế thị trường đã chứng tỏ tính ưu việt của nó trong việc đem lại sự giàu có và thịnh vượng cho các quốc gia từ Tây Âu cho tới Bắc Mỹ và nhiều quốc gia Châu Á ngày nay, nhưng nó vẫn còn bị thành kiến và bị hiểu lầm như một cái gì đó thuộc về ý thức hệ. Quả thật, kinh tế thị trường không phải là không tồn tại những bất công và hạn chế. Hơn nữa, nếu cơ chế thị trường được vận hành ở một quốc gia thiếu dân chủ và minh bạch thì cơ chế thị trường còn bị lạm dụng để thu lợi cho một số nhóm đặc quyền cũng như gây ra những bất công trầm trọng. Tuy nhiên, các bằng chứng phân tích tương quan gia tăng về mức độ tự do kinh tế và GDP/người ở 157 quốc gia cho thấy, mối quan hệ tích cực và chặt chẽ giữa hai chỉ số này⁽⁷⁾. Số liệu thực tế cho thấy phần lớn các nước có điểm số tự do kinh tế dưới 60% chỉ đạt mức GDP theo ngang giá sức mua (PPP - GDP) bình quân trên đầu người dưới 10000USD/năm. Ngược lại, hầu hết các nước có chỉ số trên 60% đều đạt mức PPP - GDP bình quân đầu người

⁽⁷⁾ Xem thêm: www.heritage.org/index. tr 5.



trên 10000 USD. Số liệu thực tế cũng cho thấy, 20% nhóm nước có mức độ tự do kinh tế cao nhất đạt mức PPP - GDP bình quân trên đầu người hàng năm là 28000USD, nhóm 20% có mức độ tự do kinh tế cao thứ hai đạt mức PPP - GDP/người xấp xỉ 14000USD, nhóm thứ ba là 8000USD. Hai nhóm cuối cùng có mức độ tự do kinh tế thấp nhất chỉ đạt mức PPP - GDP/người hàng năm xấp xỉ 4000USD. Hơn nữa, các nước có mức độ tự do kinh tế cao hơn thường có tỷ lệ thất nghiệp thấp hơn. Nhóm 20% các nước có chỉ số tự do kinh tế cao nhất có tỷ lệ thất nghiệp là 5.9%, trong khi đó tỷ lệ thất nghiệp lần lượt cho các nhóm tiếp theo là 8.9%, 14.6%, 17.4% và 19.6%. Bên cạnh đó, nhóm các nước có mức độ tự do kinh tế cao có xu hướng duy trì mức lạm phát thấp hơn. Số liệu thực tế cho thấy nhóm 20% các nước có chỉ số tự do kinh tế cao nhất có mức lạm phát chỉ là 2.9% trong khi đó nhóm 20% các nước có mức độ tự do kinh tế thấp nhất trải qua mức lạm phát lên tới 44% năm 2008⁽⁸⁾. Ngược lại, sự thịnh vượng về kinh tế gia tăng sẽ làm cho nền kinh tế thị trường phát triển hơn thông qua việc cải thiện các chỉ số cấu thành mức độ tự do kinh tế. Trong một nghiên cứu của Minsin Pei về “Thiết chế chính trị, dân chủ và phát triển”⁽⁹⁾ ở 83 nước cho thấy mối quan hệ tích cực giữa sự thịnh vượng và tự do kinh tế. Sự thịnh vượng kinh tế tạo điều kiện cho các doanh nghiệp cũng như từng cá nhân sẽ tích lũy được nguồn lực nhiều hơn, ý thức hơn được những quyền lợi của mình về sự độc lập. Do vậy, họ đòi hỏi quyền tự do kinh doanh, tự do đầu tư và tự do lao động nhiều hơn nữa. Đương nhiên, đây phải là những quyền lợi chính đáng và hợp pháp cấu thành nên nền tảng cơ bản cho một xã hội dân chủ.

2.1. Tự do kinh tế và sự thịnh vượng kinh tế ở Việt Nam

Kết quả phân tích tương quan ở Việt Nam cũng cho thấy xu hướng tương tự về mối quan hệ giữa sự tự do kinh tế và sự gia tăng mức độ

thịnh vượng kinh tế trong gần hai thập kỷ qua. Kết quả phân tích dữ liệu về tự do kinh tế và GDP/người theo PPP cho hệ số tương quan Pearson⁽¹⁰⁾ bằng 0,867. Điều đó cho thấy mối tương quan chặt chẽ giữa mức độ tự do kinh tế và sự gia tăng GDP/người theo PPP ở Việt Nam trong hơn một thập kỷ qua.

Năm 1995, điểm số tự do kinh tế của Việt Nam là 41.7% và PPP - GDP/người là 1550USD. Sau hơn một thập kỷ, chỉ số tự do kinh tế của Việt Nam đã tăng tới khoảng 50% và GDP/người theo PPP cũng gia tăng gấp đôi (3100USD) vào năm 2007. Năm 2008, mặc dù chỉ số tự do kinh tế được cải thiện một phần rất nhỏ, từ 49.4% năm 2007 lên 49.8% năm 2008 nhưng do lạm phát và khủng hoảng kinh tế đã làm cho PPP-GDP/người ở Việt Nam sụt giảm đáng kể, xuống còn 2600USD mặc dù Việt Nam đã đạt mức GDP trên đầu người là 1024USD⁽¹¹⁾. Như vậy, đằng sau những cải thiện về chỉ số cấu thành nên mức độ tự do kinh tế nói lên điều gì và vì sao khi mức độ tự do kinh tế tăng lên lại làm gia tăng sự thịnh vượng về kinh tế? *Thứ nhất*, các chỉ số cấu thành tự do kinh tế tăng lên nhanh chóng phản ánh sự cải thiện của các chính sách và cơ chế liên quan tới hoạt động của bộ máy cơ quan Nhà nước, hiệu lực và hiệu quả của hệ thống pháp luật, hiệu quả của hệ thống tài chính và ngân hàng, và sự khuyến khích đầu tư. *Thứ hai*, chính sự cải thiện các cơ chế và chính sách đã làm cho nguồn lực trong nền kinh tế được sử dụng hiệu quả hơn, từ đó thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và thu nhập bình quân trên đầu người tăng lên. Hơn nữa, sự thịnh vượng về kinh tế gia tăng sẽ

⁽¹⁰⁾ Số liệu tính toán của tác giả từ dữ liệu của <http://www.cia.gov/library/publications/the-word-facebook/> và www.heritage.org/index. Hệ số tương quan Pearson đo lường mức độ và hướng của quan hệ tương quan. Hệ số có giá trị giữa -1 và +1. Giá trị càng gần ± 1 cho thấy mối quan hệ tương quan hoàn hảo. Xem thêm: Pete Y. Chen and Paula M. Popovich “Correlation: Parametric and Non-parametric measures” a SAGE University Paper. 2002.

⁽¹¹⁾ Xem thêm <http://www.cia.gov/library/publications/the-word-facebook/> và www.heritage.org/index

⁽⁸⁾ [sdd, tr 8].

⁽⁹⁾ Farrukh Iqbal và Jong-Il You (2002), *Dân chủ, Kinh tế thị trường và Phát triển từ góc nhìn Châu Á*, Ngân hàng Thế giới và NXB Thế giới, Hà Nội, tr 60,61.



làm cho nền kinh tế thị trường phát triển hơn, thông qua việc cải thiện các chỉ số cấu thành mức độ tự do kinh tế ở Việt Nam trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế thời gian qua. Ví dụ, khi người dân có thu nhập cao hơn, kéo theo tích lũy nguồn tiền tệ và tài sản nhiều hơn; do vậy, họ yêu cầu phải có một hệ thống ngân hàng và thị trường chứng khoán với thông tin minh bạch, hiệu quả hơn để tiền tiết kiệm của họ được đầu tư và sinh lợi một cách hiệu quả và an toàn. Từ đó, khu vực tài chính phải được cải thiện, hoạt động minh bạch hơn, và vì thế chỉ số tự do tài chính sẽ được cải thiện.

2.2. Tự do kinh tế và sự ổn định kinh tế - xã hội ở Việt Nam

Tự do kinh tế đem lại những tác động tích cực đến các mục tiêu phát triển kinh tế và xã hội. Thực tế ở Việt Nam cho thấy, sự chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường đã đem lại những tác động tích cực tới việc xoá đói giảm nghèo, tạo việc làm, ổn định giá cả. Do vậy, các sức ép về vấn đề xã hội đã được giảm thiểu đáng kể trong quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường ở Việt Nam.

Biểu đồ 2 cho thấy diễn biến của chỉ số tự do kinh tế và một số chỉ số liên quan tới sự ổn định kinh tế vĩ mô cũng như mục tiêu phát triển của Việt Nam trong thời gian từ 1993 - 2008. Cùng với sự gia tăng gần 10% mức độ tự do kinh tế của Việt Nam trong thời gian này là sự thành công đầy ấn tượng trong công tác xoá đói giảm nghèo. Từ 40% dân số sống dưới ngưỡng nghèo vào đầu những năm 1990⁽¹²⁾, chỉ số này đã giảm mạnh xuống còn khoảng 20% vào năm 1997, 10% vào năm 2004 và 8% vào năm 2006. Bên cạnh đó, kết quả phân tích tương quan cho thấy mối quan hệ khá mạnh giữa việc mở rộng tự do kinh tế và sự giảm thiểu thất nghiệp⁽¹³⁾. Trong thời gian này, tỷ lệ thất nghiệp của Việt Nam đã giảm từ khoảng 6% vào giữa những năm 1990 xuống còn 5% vào năm 2008. Tự do

kinh tế tạo ra nhiều cơ hội cho người dân có việc làm và thu nhập thông qua quá trình mở rộng các quyền tự do kinh doanh, tự do thương mại, tự do đầu tư và tự do lao động. Hơn nữa, sự gia tăng các chỉ số liên quan tới tự do tài chính làm cho việc tiếp cận vốn dễ dàng hơn, tự do tài khoá và quy mô Chính phủ được hoàn thiện, quyền sở hữu được bảo vệ. Những yếu tố này đã làm cải thiện môi trường đầu tư trong nước, từ đó khuyến khích sản xuất kinh doanh, tạo ra việc làm và cải thiện thu nhập cho người dân ở Việt Nam trong thời gian qua.

Mặc dù thành tựu về giảm nghèo của Việt Nam được các tổ chức quốc tế và nhiều quốc gia đánh giá cao, nhưng một vấn đề đáng lưu ý là: phần lớn người nghèo tập trung ở các vùng nông thôn và họ là đối tượng dễ bị tổn thương nhất trong quá trình tự do hoá kinh tế ở Việt Nam. Năm 2007, có 73.3% dân số Việt Nam sống ở nông thôn với tỷ lệ nghèo theo chuẩn mới là 20.3%. Hơn nữa, tỷ lệ dân số trong khu vực phi nông nghiệp là 29% và tỷ lệ nghèo là 5.0%, trong khi đó 71.0% dân số nông nghiệp với tỷ lệ nghèo là 23.4%. Hay 90.9% tỷ lệ nghèo đến từ dân số trong nông nghiệp và 9.1% tỷ lệ nghèo đóng góp bởi dân số phi nông nghiệp. Một con số không đáng ngạc nhiên nữa cho thấy, có tới 53.1% dân số Việt Nam sinh sống nhờ cây lúa và trong số họ tỷ lệ nghèo là 23.4%, đóng góp vào tỷ lệ nghèo chung của cả nước là 78%⁽¹⁴⁾. Cả nước hiện có khoảng 3.9 triệu hộ nghèo, chiếm 22% số hộ cả nước (theo chuẩn mới, 2005). Tuy nhiên, phần lớn số người nghèo chỉ tập trung ở các vùng kém phát triển. Nếu tính theo vùng, thì tỷ lệ nghèo ở vùng Tây Bắc: 49%; Đông Bắc: 25%; đồng bằng sông Hồng: 8.8%; Duyên hải Bắc Trung bộ: 29.1%; duyên hải Nam Trung bộ: 12.6%; Tây

“Tự do kinh tế đem lại những điều kiện tích cực cho phát triển kinh tế, tạo việc làm và giảm nghèo”.

⁽¹²⁾ Ngưỡng nghèo theo tiêu chuẩn thu nhập bình quân/người/ngày dưới 1USD theo PPP

⁽¹³⁾ Hệ số tương quan Pearson = -0.733.

⁽¹⁴⁾ Ngân hàng Thế giới (2008), *Hội nghị giới nhóm tư vấn các nhà tài trợ cho Việt Nam*. Nam.



Nguyên: 28.6%; Đông Nam bộ: 5.8%; và vùng ĐBSCL: 10.3%⁽¹⁵⁾. Như vậy, tự do kinh tế đem lại những điều kiện tích cực cho phát triển kinh tế, tạo việc làm và giảm nghèo. Tuy nhiên, tác động của nó tới mức độ giảm nghèo là khác nhau giữa các vùng, các ngành. Theo quy luật kinh tế, ở đâu có nhiều nguồn lực và điều kiện thuận lợi hơn cho phát triển kinh tế, thì ở đó sẽ khai thác được nhiều hơn các cơ hội do quá trình tự do kinh tế đem lại. Trái với một số nhận định bi quan cho rằng tự do kinh tế sẽ làm gia tăng nhanh chóng mức độ bất bình đẳng ở Việt Nam trong quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường. Biểu đồ trên cho thấy mặc dù mức độ tự do kinh tế đã gia tăng đáng kể nhưng hệ số gini theo thu nhập chỉ tăng nhẹ từ 0.39 năm 1993 lên 0.43 trong năm 2006.

Chính vì vậy, tạp chí The Economist của Anh đã đánh giá thành tựu tăng trưởng của Việt Nam có ý nghĩa “nhân bản” bởi chúng ta đã duy trì được sự công bằng và trong so sánh tương quan với nhiều nước khác như Trung Quốc, Ấn Độ và Philippines,... Việt Nam được coi là nước đạt được sự tăng trưởng mang tính công bằng hơn⁽¹⁶⁾. Thành công này có được là do Việt Nam đã thực hiện khá tốt các chính sách liên quan tới phân phối thu nhập⁽¹⁷⁾ và khuyến khích phát triển khu vực tư nhân trong thời gian qua. Tuy nhiên,

“Tạp chí The Economist của Anh đã đánh giá thành tựu tăng trưởng của Việt Nam có ý nghĩa “nhân bản” bởi chúng ta đã duy trì được sự công bằng và trong so sánh tương quan với nhiều nước khác như Trung Quốc, Ấn Độ và Philippines,... thì Việt Nam được coi là nước đạt được sự tăng trưởng mang tính công bằng hơn”.

⁽¹⁵⁾ Ngân hàng Thế giới (2008), *Báo cáo phát triển Việt Nam 2008* - Bảo trợ xã hội, tr 9-11.

⁽¹⁶⁾

<http://www.tuoitre.com.vn/Tianyon/Index.aspx?ArticleID=154967&ChannelID=11>

⁽¹⁷⁾ Xem: Nguyễn Công Nghiệp (2006), *Phân phối trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*, Sách chuyên khảo, NXBCTQG, Hà Nội.

điều này không khẳng định là tình trạng bất bình đẳng ở Việt Nam sẽ không gia tăng cùng với quá trình tự do hoá kinh tế. Trong gần hai thập kỷ qua, sự chênh lệch giữa các nhóm thu nhập cao nhất và thấp nhất đang có xu hướng tăng lên đáng kể. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê thì năm 1990, nhóm 20% dân số có thu nhập cao nhất có thu nhập lớn hơn 4.1 lần so với 20% nhóm dân số có thu nhập thấp nhất. Tỷ lệ chênh lệch này đã tăng lên 6.2 lần năm 1993, 7.6 lần năm 1999 và 8.4 lần năm 2006. Số liệu của Tổng Cục Thống Kê năm 2006 cho thấy, có tới 85% dân số đô thị thuộc nhóm 20% dân số giàu nhất trong khi đó tới một nửa dân số nông thôn thuộc 20% nhóm dân số nghèo nhất.

Để mở rộng tự do kinh tế, các quốc gia phải tiến hành cải cách khu vực tài chính, hệ thống ngân hàng và tự do hóa thương mại. Những cải cách này tạo tiền đề cho sự ổn định của đồng nội tệ. Tuy nhiên, trong giai đoạn đầu của quá trình chuyển đổi, không riêng gì nền kinh tế Việt Nam mà các quốc gia khác ở Đông Âu, Trung Quốc cũng phải trải qua những thay đổi mạnh mẽ và những thay đổi trong chính sách cải cách đã tạo ra những cú sốc cho nền kinh tế. Ở Việt Nam, do giá cả đã bị kìm hãm và vận hành không theo nguyên lý thị trường trong một thời gian dài, nên khi chuyển sang cơ chế thị trường thì sự thay đổi tất yếu sẽ tạo ra những thay đổi lớn trong giá cả và gây ra sự bùng nổ lạm phát. Chính vì vậy, lạm phát đã tăng ở mức kỷ lục vào nửa cuối các năm 1980 và đầu những năm 1990 ở Việt Nam. Tuy nhiên, bằng chứng từ phân tích mối tương quan giữa lạm phát và tự do kinh tế từ đầu thập niên 1990 cho tới năm 2008 cho thấy mối liên hệ giữa hai yếu tố này là rất thấp và không có ý nghĩa thống kê⁽¹⁸⁾. Do vậy, chúng ta không đủ bằng chứng để kết luận rằng sự mở rộng tự do kinh tế đã dẫn tới lạm phát trong thời gian này. Hơn nữa, kể từ 1993 cho tới 2007, lạm phát ở Việt Nam được duy trì ở mức dưới 10% đã tạo ra một môi trường kinh tế vĩ mô ổn định cho sự phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam.

⁽¹⁸⁾ Hệ số tương quan Pearson = 0,048 là rất nhỏ có ý nghĩa thống kê.



2.3. Tự do kinh tế, cải cách hành chính và sự ổn định chính trị ở Việt Nam

Ở Việt Nam trong thời gian qua, sự mở rộng tự do kinh tế đã đặt ra yêu cầu phải hoàn thiện bộ máy chính quyền và chế độ chính trị. Hệ thống luật pháp đã và đang được xây dựng và hoàn thiện, các cơ quan Nhà nước được yêu cầu phải hoàn thành các công việc gắn với tính giải trình cũng cũng như trách nhiệm cao hơn. Có thể chỉ ra một tác động tích cực của sự mở rộng tự do kinh tế tới yêu cầu hoàn thiện hệ thống luật pháp và sự vận hành của các cơ quan Nhà nước ở Việt Nam. Quyền tự do đầu tư và tự do kinh doanh đã đặt ra yêu cầu phải cải cách cơ chế, thủ tục hành chính sao cho doanh nghiệp có thể đăng ký kinh doanh và vận hành một cách tối ưu nhất. Sự ra đời của Luật doanh nghiệp năm 2000 được coi là một bước đột phá trong cải cách hành chính ở Việt Nam bởi luật đã xoá bỏ hàng trăm giấy phép con và nhiều thủ tục hành chính phiền hà gây tốn kém thời gian và tiền bạc cho doanh nghiệp khi khởi sự và vận hành. Sự ra đời của luật này khẳng định sự thừa nhận, tôn trọng và bảo vệ quyền tự do kinh doanh của người dân. Qua đó, nó cũng giúp cho bộ máy chính quyền hoạt động hiệu quả hơn và do vậy thể chế chính trị ổn định hơn. Quá trình mở rộng tự do kinh tế trong thời gian qua đã tạo ra những nền tảng thuận lợi cho sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân và chính sự phát triển lớn mạnh của khu vực kinh tế này cũng là minh chứng cho sự mở rộng tự do kinh tế ở Việt Nam trong thời gian qua. Khu vực tư nhân với những ưu thế như quy mô nhỏ, sử dụng nhiều lao động và phân bố rộng khắp ở mọi vùng miền, ngành nghề; đã đem lại những tác động tích cực tới tạo việc làm, cải thiện thu nhập và làm cho sự phát triển ít thiên lệch cũng như mang tính đồng đều hơn giữa các vùng miền, ngành nghề ở Việt Nam.

Kết quả phân tích tương quan giữa tự do kinh tế và chỉ số không có tham nhũng ở Việt Nam và 157 nước quốc gia cho thấy mối quan hệ khá mạnh giữa hai chỉ số này, điều đó hàm ý

rằng tự do kinh tế sẽ làm giảm thiểu mức độ tham nhũng⁽¹⁹⁾. Tuy nhiên, trên thực tế ở một số nước như Uganda và Mêhicô⁽²⁰⁾, mặc dù chỉ số tự do kinh tế khá cao nhưng mức độ giảm thiểu tham nhũng lại rất thấp vì tự do kinh tế đi liền với một bộ máy Nhà nước kém hiệu quả, thiếu minh bạch và hệ thống thực thi pháp luật lỏng lẻo chỉ càng làm cho tham nhũng thêm trầm trọng. Trong những năm qua, Việt Nam đã tỏ rõ quyết tâm chống tham nhũng thông qua việc phát hiện và đem ra xét xử, kỷ luật nhiều cán bộ cấp cao dính líu tới tham nhũng. Hơn nữa, các biện pháp tuyên truyền, các chính sách chống tham nhũng cũng được phổ biến, thực hiện nhằm kiểm chế và từng bước loại bỏ vẩn nạn này. Tuy nhiên, chỉ số không có tham nhũng ở Việt Nam vẫn duy trì ở mức rất thấp, trung bình 26% trong gần một thập kỷ qua. Năm 2001, chỉ số này của Việt Nam là 26%, năm 2005 giảm xuống 24% và ba năm gần đây duy trì ở mức 26%. Năm 2008, điểm số không có tham nhũng của Việt Nam là 26% cũng ở mức thấp hơn mức bình quân của Thế giới (41.1%), thấp hơn cả Trung Quốc và Ấn Độ là 33% và Thái Lan là 36%. Do vậy, Việt Nam được xếp cùng với các nhóm nước như Campuchia, Indônêxia, Lào và Philipin - những nước có mức độ tham nhũng cao ở khu vực và trên thế giới. Điều đó cho thấy, tự do kinh tế chưa đem lại nhiều tác động tích cực tới việc giảm thiểu tham nhũng⁽²¹⁾. Tham nhũng đã và đang gây ra những tác động tiêu cực về kinh tế, chính trị và xã hội ở Việt Nam. Nếu theo ước tính khoảng 20 - 30% vốn đầu tư xây dựng cơ bản bị thất thoát sẽ tương đương với khoảng 4 - 5% GDP

⁽¹⁹⁾ Chỉ số không có tham nhũng (freedom from corruption) càng cao có nghĩa là mức độ tham nhũng càng thấp. Kết quả phân tích tương quan giữa chỉ số tự do kinh tế và chỉ số không có tham nhũng ở Việt Nam cho hệ số tương quan Pearson = 0,734 và 157 nước trên thế giới năm 2008 cho thấy hệ số tương quan Pearson = 0,78.

⁽²⁰⁾ Năm 2008, chỉ số tự do kinh tế của Uganda là 63,5 và chỉ số không có tham nhũng là 28,0 và ở Mêhicô tương tự là 65,8 và 35,0. Trong khi đó chỉ số không có tham nhũng bình quân trên thế giới là 40,3. Xem thêm: <http://www.heritage.org/Index/Country>

⁽²¹⁾ Xem: <http://vietbao.vn/Xa-hoi/Tham-nhuc-lam-giam-4-GDP-nam/40134042/157>



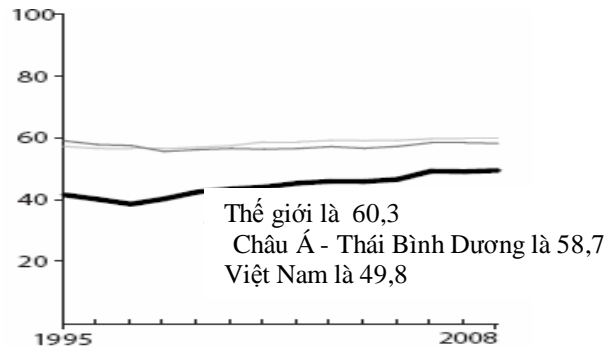
của Việt Nam bị mất đi do tham nhũng. Ngoài việc làm thất thoát tài sản, gây thiệt hại về kinh tế cho Nhà nước và nhân dân, tham nhũng còn gây ra những tác động tiêu cực khác đối với sự suy giảm lòng tin của nhân dân vào bộ máy công chức, lãnh đạo. Đối với quốc tế, đó là hình ảnh không tốt và làm phương hại đến các mối

quan hệ hợp tác. Nếu vấn nạn này không được đẩy lùi và xoá bỏ, Việt Nam sẽ rất khó đạt đến một nền kinh tế thị trường phát triển đầy đủ trong thời gian tới. Hơn nữa, điều đó đã và đang làm tổn hại đến nỗ lực xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với mục tiêu tốt đẹp như Việt Nam mong muốn.

Bảng 1. Chỉ số tự do kinh tế các nước khu vực Châu Á - Thái Bình Dương năm 2008

Xếp hạng tự do KT (Thế giới)	Quốc gia	Tự do Kinh tế	Tự do kinh doanh	Tự do thương mại	Tự do tài khoá	Quy mô Chính phủ	Tự do tiền tệ	Tự do đầu tư	Tự do tài chính	Quyền sở hữu	Chỉ số không tham nhũng	Tự do Lao động
1	Hồng Kông	90.25	88.18	95.0	92.8	93.07	87.21	90	90	90	83	93.3
2	Singapo	87.38	97.79	90.0	90.3	93.87	88.86	80	50	90	94	99
4	Úc	82.00	89.32	83.8	59.2	62.83	83.68	80	90	90	87	94.2
6	New Zealand	80.25	99.9	80.8	60.5	55.99	83.67	70	80	90	96	85.5
17	Nhật	72.47	88.07	80.0	70.3	56.22	94.26	60	50	70	76	79.8
25	Đài Loan	71.03	70.73	86.7	75.9	87.76	83.34	70	50	70	59	56.9
41	Hàn Quốc	67.88	83.99	66.4	71.1	77.31	80.05	70	60	70	51	49
51	Malaysia	64.54	68.96	76.2	82.2	80.8	78.58	40	40	50	50	78.7
54	Thái Lan	63.49	72.07	75.2	74.7	90.71	66.7	30	50	50	36	89.6
62	Mông Cổ	62.78	71.07	81.4	85.0	71.73	78.21	60	60	30	28	62.4
92	Philippines	56.86	53.04	78.8	75.8	90.17	73.83	30	50	30	25	61.9
100	Campuchia	56.18	42.97	52.2	91.4	94.2	80.9	50	50	30	21	49.1
115	Ấn Độ	54.21	49.99	51.0	75.7	73.54	70.25	40	30	50	33	68.6
119	Indonêxia	53.87	48.78	73.0	77.5	89.73	68.22	30	40	30	24	57.5
126	Trung Quốc	52.83	50.03	70.2	66.4	89.73	76.53	30	30	20	33	62.4
135	Việt Nam	49.8	60.02	62.8	74.3	77.97	67.42	30	30	10	26	59.5
137	Lào	49.21	60.76	57.0	71.0	92.13	72.98	30	20	10	26	52.3

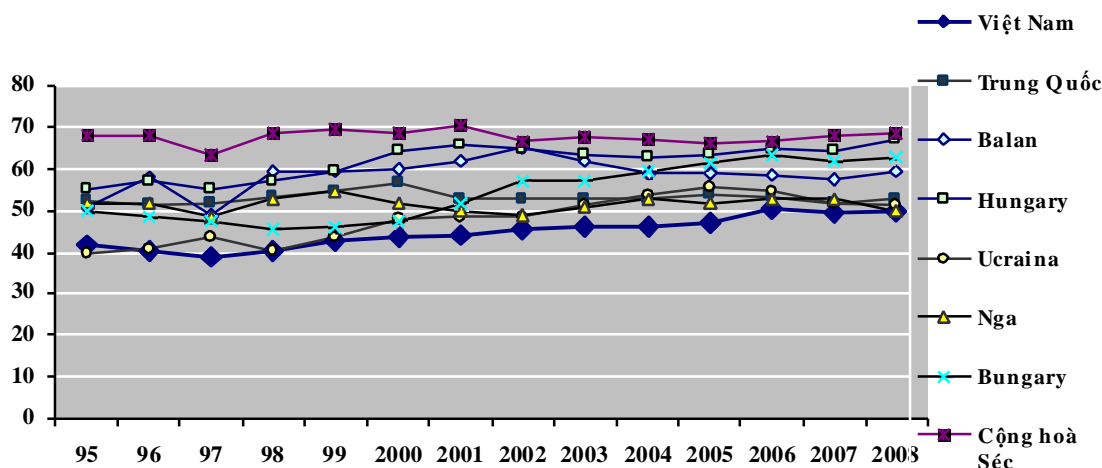
Nguồn: Chỉ số tự do kinh tế năm 2008, The Wall Street Journal & The Heritage Foundation.



Biểu đồ 1. Diễn biến chỉ số tự do kinh tế của Việt Nam.

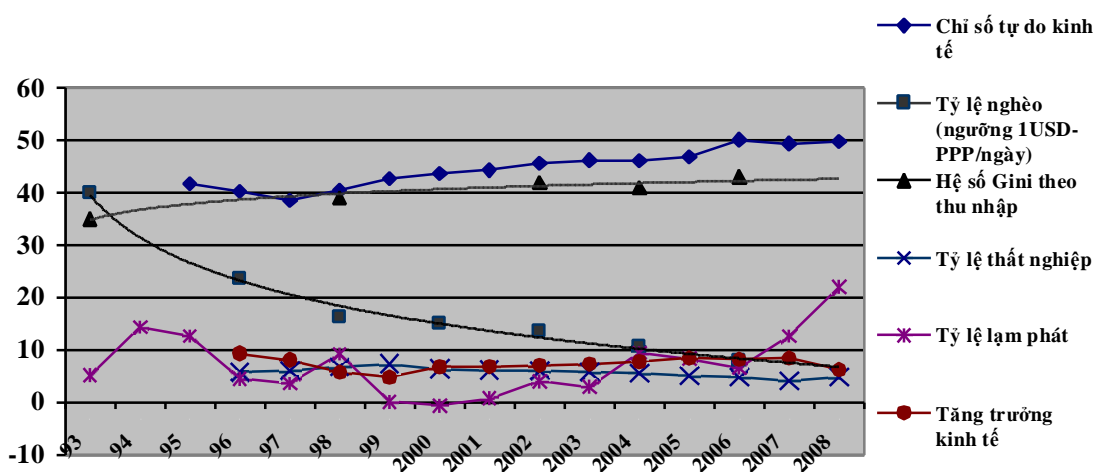
Nguồn: the 2008 Economic Freedom Index.





Biểu đồ 2. Sự mở rộng tự do kinh tế ở một số nước chuyển đổi giai đoạn từ 1993 - 2008 (tỷ lệ %).

Nguồn: Chỉ số tự do kinh tế năm 2008, www.cia.gov và TCTK Việt Nam



Biểu đồ 3. Diễn biến chỉ số tự do kinh tế, lạm phát và giảm nghèo, thất nghiệp, bất bình đẳng ở Việt Nam giai đoạn từ 1993 - 2008 (tỷ lệ %).

Nguồn: Chỉ số tự do kinh tế năm 2008, www.cia.gov và TCTK Việt Nam

3. Kết luận

Nền kinh tế của Việt Nam sau hơn hai thập kỷ chuyển đổi, đã hình thành những nền tảng để tiến tới một nền kinh tế thị trường đầy đủ hơn. Xét ở khía cạnh mở rộng tự do kinh tế, trong thời gian qua, trình độ phát triển của nền kinh tế thị trường ở Việt Nam đã đạt được những tiên

bộ đáng kể thông qua việc cải thiện mức độ tự do kinh tế, trong đó phải kể đến sự cải thiện các quyền tự do về lao động, tự do tiền tệ, tự do tài chính, tự do kinh doanh, tự do đầu tư và tự do tài khoá. Điều đó đã được thể hiện rõ trong thực tế như: sự phát triển nhanh chóng của thị trường sức lao động, thị trường vốn, quá trình hệ thống tài chính, thuế khoá và đi



thành tích về thu hút đầu tư nước ngoài cũng như tiến bộ trong cải thiện môi trường kinh doanh những năm gần đây.

Tuy nhiên, còn rất nhiều các vấn đề liên quan tới quyền sở hữu, tham nhũng mà đặc biệt khu vực ngân hàng cần phải cải thiện, bởi những chỉ số này có ảnh hưởng quan trọng tới việc xây dựng một nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Trong đó, vấn đề tham nhũng, không những chỉ là một chỉ số liên quan tới tự do kinh tế, mà nó còn là một chỉ số đánh giá mức độ trong sạch của bộ máy, hiệu quả hoạt động và tính minh bạch của một chế độ. Vì vậy, nó có ý nghĩa chính trị hết sức quan trọng. Do đó, Việt Nam cần hết sức nỗ lực để cải thiện chỉ số này trong những năm tới.

Tự do kinh tế cũng đang bộc lộ những tác động tiêu cực tới sự phân tầng xã hội, bởi nó đem lại những lợi ích lớn hơn và đổ dồn về các vùng, các ngành và những nhóm người sở hữu những điều kiện thuận lợi hơn cho phát triển kinh tế. Mặc dù, nhìn vào chỉ số gini, chúng ta có thể lạc quan nói rằng bất bình đẳng của Việt Nam còn thấp xa hơn nhiều nước trong khu vực. Tuy nhiên, điều đó không hoàn toàn phản ánh một thực tế rõ ràng là sự bất bình đẳng đang tăng lên nhanh chóng giữa thành thị và nông thôn, giữa các nhóm dân cư trong xã hội. Trong đó, phải nói tới khu vực nông thôn, nông

dân và nông nghiệp - đây là đối tượng dễ bị tổn thương nhất trong bất cứ hoàn cảnh nào. Do vậy, sự điều tiết hợp lý là cần thiết và những chính sách phát triển thiên lệch bất lợi cho nông nghiệp, nông thôn cần được xem xét. Hơn nữa, một chương trình, kế hoạch quan tâm tới vấn đề “tam nông” là nông nghiệp, nông thôn và nông dân là hoàn toàn cấp thiết trong những năm tiếp theo.

Tài liệu tham khảo

- [1] Farrukh Iqbal và Jong-Il You (2002), Dân chủ, Kinh tế thị trường và Phát triển - Từ góc nhìn Châu Á, Ngân hàng Thế giới và NXB Thế giới.
- [2] Ngân hàng Thế giới (2008), Báo cáo phát triển Việt Nam 2008 - Bảo trợ xã hội.
- [3] Ngân hàng Thế giới (2008), Hội nghị giữa nhiệm kỳ nhóm tư vấn các nhà tài trợ cho Việt Nam, Sapa.
- [4] Nguyễn Công Nghiệp (2006), Phân phối trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, sách chuyên khảo, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [5] Kornai János (2001), Con đường dẫn tới nền kinh tế thị trường, Hội tin học Việt Nam.
- [6] Richard Bergeron (1995), Phân phát triển, cái giá của chủ nghĩa tự do, sách tham khảo, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [7] Werner Zohlnhoefer & Hans - Rimbart Hemmer (1997), Kinh tế thị trường xã hội, tập bài giảng chuyên đề, chương trình hợp tác Việt Đức, Viện Konnra Adenauer xuất bản, Bonn.
- [8] Chuyên đề kinh tế trên thế giới và một số vấn đề lý luận và bằng chứng thực nghiệm mới (2006), Viện Khoa học xã hội Việt Nam, NXB Thế giới.
- [9] The 2008 index of economic freedom, p5, xem tại: www.heritage.org.index
- [10] Simeon Djankov and Caralee McLiesh (2006), Doing Business Report 2006, xem tại: <http://www.doingbusiness.org>



Economic freedom and the socialism - oriented market economy development in Vietnam

MA. Tran Quang Tuyen

*Faculty of Political Economy, University of Economics and Business,
Vietnam National University, Hanoi, 144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

During the past decades, Vietnam has been transiting to an oriented socialist market economy with its core content aiming at economic freedom expansion. This process has been profoundly influencing almost socio-economic fields in this country. The following article concentrates on criteria related to economic freedom and asserts that economic freedom is the main criterion to evaluate the development of the market economy. Although EC (European Committee) and The United State of America have so far given some criteria to assess the market economy, these standards are generally qualitative and difficult to measure. Therefore, started from the nature of the market economy is business, exchange, labor freedom, or concisely saying, is economic freedom and in short, it is “economic freedom”. The author analyzed the transitional process of Vietnam economy, which had been seen as the expanding of economic freedom level in the last two decades. The article pointed out the positive effects of economic freedom on economic prosperity, jobs, and monetary stabilizing in a many nations and analyzed the economic freedom expansion and economic transition in Vietnam.

